

Số: 391/2026/QĐST-HNGĐ

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1145/2026/TLST-HNGĐ ngày 17/08/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1996. Căn cước số: 092096001277. Đăng ký cư trú: **Ấp A, xã T, Thành phố Cần Thơ**. Hiện cư trú tại: **Số C, ấp B, xã B, Thành phố Đ**.

+ Bà **Kim Thị T**, sinh năm 2000. CCCD số: 084300004812. Đăng ký cư trú: **Ấp G, xã L, tỉnh Vĩnh Long**. Hiện cư trú tại: **Số C, ấp B, xã B, Thành phố Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Xét thấy quan hệ giữa bà **Kim Thị T** và ông **Huỳnh Văn C** là hôn nhân hợp pháp, ngày 20/08/2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng và các vấn đề khác có liên quan. Kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của họ như sau:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Kim Thị T** và ông **Huỳnh Văn C** thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cho bà **Kim Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Huỳnh Thị Ngọc A**, sinh ngày 01/01/2021 và **Huỳnh Khánh M**, sinh ngày 12/7/2025.

Ông **Huỳnh Văn C** có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà **Kim Thị T**, với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con chung là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 28/08/2026 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bà **T** có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng

nêu trên, trường hợp ông C chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của ông Huỳnh Văn C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[5] Về lệ phí: Bà Kim Thị T và ông Huỳnh Văn C mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị T và ông Huỳnh Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho bà Kim Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Huỳnh Thị Ngọc A, sinh ngày 01/01/2021 và Huỳnh Khánh M, sinh ngày 12/7/2025.

Ông Huỳnh Văn C có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Kim Thị T, với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con chung là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày 28/08/2026 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, trường hợp ông C chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung của ông Huỳnh Văn C.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Các đương sự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà **Kim Thị T** và ông **Huỳnh Văn C** mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0002519 và 0002522 ngày 06/08/2026 của Thi hành án dân sự **thành phố Đ** mà ông **C**, bà **T** đã nộp. Ông **C**, bà **T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; việc thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai.
- UBND xã Long Hiệp, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy CNKH số 26 do UBND xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 04/03/2020);
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đào Duy Mạnh